

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ
NHƠN TRẠCH 2**

(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	2 - 3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7 - 8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	9 - 29



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ NHƠN TRẠCH 2

Áp 3, Xã Phước Khánh, Huyện Nhơn Trạch

Tỉnh Đồng Nai, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Lê Tự Hiểu	Chủ tịch
Ông Hoàng Xuân Quốc	Thành viên
Ông Lương Ngọc Anh	Thành viên
Ông Nguyễn Minh Tuấn	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Thanh Hương	Thành viên (bổ nhiệm ngày 01 tháng 6 năm 2014)
Ông Lê Ngọc Sơn	Thành viên (miễn nhiệm ngày 30 tháng 5 năm 2014)

Ban Giám đốc

Ông Hoàng Xuân Quốc	Giám đốc
Ông Ngô Đức Nhân	Phó Giám đốc
Ông Trần Quang Thiên	Phó Giám đốc
Ông Trần Quang Mẫn	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Ngọc Hải	Phó Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Hoàng Xuân Quốc
Giám đốc

Ngày 16 tháng 3 năm 2015

001125
CHI
CÔN
LỊCH NH
DEL
VIỆT
VI - T

Số: 352/VNIA-HC-BC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 (gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 16 tháng 3 năm 2015 từ trang 4 đến trang 29, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính (gọi chung là "báo cáo tài chính").

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.


Đã
5N
31
LƯ
ON
RA
00-0
HÁN
G T
EHƯ
DIT
NA
HỒ

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Vấn đề cần nhấn mạnh

Như trình bày tại Thuyết minh số 10 của Thuyết minh báo cáo tài chính, Công ty đã thay đổi thời gian khấu hao tài sản cố định là máy móc thiết bị hình thành từ việc đầu tư xây dựng Nhà máy Điện Tuabin khí Chu trình hỗn hợp Nhơn Trạch 2 theo Quyết định số 27/QĐ-CPNT2 ngày 05 tháng 9 năm 2014 của Hội đồng Quản trị Công ty, từ 10 năm thành 14 năm áp dụng từ ngày 01 tháng 7 năm 2014. Việc thay đổi thời gian khấu hao như trên ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Công ty đã được trình bày tại thuyết minh này.




Lê Chí Nguyễn
Phó Tổng Giám đốc
Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0049-2013-001-1
Thay mặt và đại diện cho
Công ty TNHH Deloitte Việt Nam
Ngày 16 tháng 3 năm 2015
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam



Bùi Quốc Anh
Kiểm toán viên
Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 2133-2013-001-1

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ NHƠN TRẠCH 2

Áp 3, Xã Phước Khánh, Huyện Nhơn Trạch
Tỉnh Đồng Nai, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Mẫu B 01-DN

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	31/12/2013
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		3.261.469.874.512	1.983.307.076.501
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		186.126.885.017	57.246.674.887
1. Tiền	111	5	186.126.885.017	57.246.674.887
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		540.000.000.000	246.461.181.788
1. Đầu tư ngắn hạn	121	6	540.000.000.000	246.461.181.788
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		2.259.834.772.666	1.449.723.105.340
1. Phải thu khách hàng	131		35.912.802	35.652.402
2. Trả trước cho người bán	132		164.906.169.696	14.986.171.786
3. Các khoản phải thu khác	135	7	2.128.696.575.950	1.458.642.323.488
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	7	(33.803.885.782)	(23.941.042.336)
IV. Hàng tồn kho	140		275.347.492.286	221.314.057.916
1. Hàng tồn kho	141	8	275.347.492.286	221.314.057.916
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		160.724.543	8.562.056.570
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	8.392.414.891
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		10.328.543	10.641.679
3. Tài sản ngắn hạn khác	158		150.396.000	159.000.000
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+250+260)	200		9.222.079.103.047	10.202.871.800.805
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		38.782.753.000	38.782.753.000
1. Phải thu dài hạn khác	218	9	38.782.753.000	38.782.753.000
II. Tài sản cố định	220		8.306.236.588.170	9.137.428.065.305
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	8.275.788.620.334	9.114.093.121.509
- Nguyên giá	222		11.294.005.678.629	11.293.643.448.661
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(3.018.217.058.295)	(2.179.550.327.152)
2. Tài sản cố định vô hình	227	11	30.143.361.336	21.602.554.546
- Nguyên giá	228		30.198.260.921	21.602.554.546
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(54.899.585)	-
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	12	304.606.500	1.732.389.250
III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	13	-	-
1. Đầu tư dài hạn khác	258		11.140.000.000	11.140.000.000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(11.140.000.000)	(11.140.000.000)
IV. Tài sản dài hạn khác	260		877.059.761.877	1.026.660.982.500
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	14	877.059.761.877	1.026.660.982.500
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		12.483.548.977.559	12.186.178.877.306

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 29 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ NHƠN TRẠCH 2

Áp 3, Xã Phước Khánh, Huyện Nhơn Trạch
 Tỉnh Đồng Nai, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Mẫu B 01-DN

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	31/12/2013	
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		8.236.865.216.747	9.398.503.220.590	
I. Nợ ngắn hạn	310		2.376.611.799.114	2.082.537.306.225	
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	15	1.051.902.984.892	1.137.995.154.732	
2. Phải trả người bán	312		33.892.981.808	27.037.408.723	
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	16	15.513.547.858	13.180.462.995	
4. Phải trả người lao động	315		22.367.282.634	14.586.349.906	
5. Chi phí phải trả	316	17	891.373.649.603	717.130.892.794	
6. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	18	358.841.041.074	169.146.428.184	
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		2.720.311.245	3.460.608.891	
II. Nợ dài hạn	330		5.860.253.417.633	7.315.965.914.365	
1. Vay và nợ dài hạn	334	19	5.855.706.484.440	7.311.318.981.172	
2. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		4.546.933.193	4.646.933.193	
B. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU (400= 410)	400		4.246.683.760.812	2.787.675.656.716	
I. Vốn chủ sở hữu	410	20	4.246.683.760.812	2.787.675.656.716	
1. Vốn cổ phần	411		2.560.000.000.000	2.560.000.000.000	
2. Vốn khác của chủ sở hữu	413		169.237.381.136	169.237.381.136	
3. Quỹ đầu tư phát triển	417		20.850.842.750	20.439.881.905	
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		1.496.595.536.926	37.998.393.675	
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		12.483.548.977.559	12.186.178.877.306	
CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN			Đơn vị	31/12/2014	31/12/2013
I. Ngoại tệ các loại					
Đô la Mỹ			USD	300,50	427,81
Euro			EUR	16,77	39,75



Lê Văn Tú
 Người lập biểu



Nguyễn Hữu Minh
 Kế toán trưởng



Hoàng Xuân Quốc
 Giám đốc
 Ngày 16 tháng 3 năm 2015

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 29 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

MẪU B 02-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm	
			2014	2013
1. Doanh thu về bán hàng	01		7.064.916.896.183	5.880.997.656.440
2. Doanh thu thuần về bán hàng (10=01)	10	22	7.064.916.896.183	5.880.997.656.440
3. Giá vốn hàng bán	11		5.413.263.603.599	5.074.176.004.874
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng (20=10-11)	20		1.651.653.292.584	806.821.651.566
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	24	450.491.826.918	52.969.684.875
6. Chi phí tài chính	22	25	437.192.587.233	786.579.282.601
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		219.382.885.672	266.407.208.913
7. Chi phí bán hàng	24		220.921.866	306.283.406
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		74.703.817.112	65.816.831.398
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		1.590.027.793.291	7.088.939.036
10. Thu nhập khác	31		2.407.163.967	1.336.333.839
11. Chi phí khác	32		1.471.720.658	206.055.971
12. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		935.443.309	1.130.277.868
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		1.590.963.236.600	8.219.216.904
14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	26	-	-
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		1.590.963.236.600	8.219.216.904
16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	27	<u>4.638</u>	<u>32</u>

Lê Văn Tú
Người lập biểu

Nguyễn Hữu Minh
Kế toán trưởng

Hoàng Xuân Quốc
Giám đốc

Ngày 16 tháng 3 năm 2015

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ NHƠN TRẠCH 2

Áp 3, Xã Phước Khánh, Huyện Nhơn Trạch
 Tỉnh Đồng Nai, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

MẪU B 03-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2014	Năm 2013
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
<i>1. Lợi nhuận trước thuế</i>	<i>01</i>	<i>1.590.963.236.600</i>	<i>8.219.216.904</i>
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	838.694.238.760	982.366.934.534
Các khoản dự phòng	03	9.862.843.446	14.157.733.486
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	(403.709.545.794)	280.693.405.522
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(25.626.821.679)	(52.961.657.839)
Chi phí lãi vay	06	219.382.885.672	266.407.208.913
<i>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	<i>08</i>	<i>2.229.566.837.005</i>	<i>1.498.882.841.520</i>
Thay đổi các khoản phải thu	09	(819.743.571.508)	(119.046.003.813)
Thay đổi hàng tồn kho	10	(54.033.434.370)	(26.239.043.433)
Thay đổi các khoản phải trả	11	250.937.261.253	(394.015.186.300)
Thay đổi chi phí trả trước và tài sản khác	12	147.700.655.257	213.175.045.217
Tiền lãi vay đã trả	13	(221.327.916.244)	(268.632.635.809)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(4.768.038.182)	(2.471.200.000)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	<i>20</i>	<i>1.528.331.793.211</i>	<i>901.653.817.382</i>
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21	(8.152.835.279)	(11.346.620.732)
2. Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22	710.313.623	-
3. Tiền chi cho đầu tư ngắn hạn	23	(293.538.818.212)	-
4. Tiền thu hồi từ đầu tư ngắn hạn	24	-	248.369.008.012
5. Tiền thu lãi tiền gửi	27	25.144.485.928	55.908.762.933
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	<i>30</i>	<i>(275.836.853.940)</i>	<i>292.931.150.213</i>
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	163.619.754.337	286.467.044.714
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(1.287.234.522.288)	(1.475.524.131.735)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>	<i>(1.123.614.767.951)</i>	<i>(1.189.057.087.021)</i>
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	128.880.171.320	5.527.880.574
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	57.246.674.887	51.718.618.432
<i>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ</i>	<i>61</i>	<i>38.810</i>	<i>175.881</i>
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)	70	186.126.885.017	57.246.674.887

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 29 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ:

Thu lãi tiền gửi từ hoạt động đầu tư trong năm không bao gồm số tiền 869.202.437 đồng (năm 2013: 647.180.309 đồng) là số tiền lãi dự thu phát sinh trong năm mà chưa được nhận. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải thu.

Tiền lãi vay đã trả trong năm không bao gồm số tiền 13.214.003.762 đồng (năm 2013: 16.402.014.332 đồng) là số tiền lãi phải trả mà chưa thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi của các khoản phải trả.

Theo Nghị quyết số 15/NQ-CPNT2 ngày 05 tháng 12 năm 2014 của Hội đồng Quản trị về việc tạm ứng cổ tức năm 2014, theo đó tỷ lệ tạm ứng cổ tức bằng 5% mệnh giá, tương đương 500 đồng/01 cổ phần được trích từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của Công ty. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, khoản cổ tức trên chưa đến hạn thanh toán và đang được ghi nhận trên tài khoản phải trả khác. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải trả.



Lê Văn Tú
Người lập biểu



Nguyễn Hữu Minh
Kế toán trưởng



Hoàng Xuân Quốc
Giám đốc
Ngày 16 tháng 3 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập tại Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4703000396 ngày 20 tháng 6 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp và giấy phép điều chỉnh gần nhất số 3600897316 ngày 12 tháng 9 năm 2012.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 174 người (31 tháng 12 năm 2013: 172 người).

Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ tiếp cho vận tải đường thủy;
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hoá;
- Vận tải hàng hóa đường bộ;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan;
- Bán buôn thiết bị vật tư, phụ tùng máy khác;
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác;
- Giáo dục nghề nghiệp;
- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải.

Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là quản lý đầu tư xây dựng và vận hành các công trình điện.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (“VND”), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12.

3. HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI ĐÃ BAN HÀNH NHƯNG CHƯA ÁP DỤNG

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) hướng dẫn áp dụng chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Thông tư này sẽ có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Ban Giám đốc Công ty đang đánh giá mức độ ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư này đến các báo cáo tài chính trong tương lai của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền (tiền mặt tại quỹ, tiền gửi không kỳ hạn, tiền gửi có kỳ hạn), đầu tư ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác, các khoản ký quỹ ngắn hạn, và khoản phải thu dài hạn.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay các khoản phải trả người bán, phải trả khác, và chi phí phải trả.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ NHƠN TRẠCH 2

Áp 3, Xã Phước Khánh, Huyện Nhơn Trạch
 Tỉnh Đồng Nai, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	2014	2013
	<u>Số năm</u>	<u>Số năm</u>
Nhà xưởng, vật kiến trúc	10 – 20	10 – 20
Máy móc, thiết bị	6 – 14	6 – 10
Phương tiện vận tải	6 – 8	6 – 8
Thiết bị văn phòng	3 – 6	3 – 6

Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất và phần mềm quản lý vật tư. Giá trị quyền sử dụng đất không có thời hạn được trình bày theo nguyên giá và không tính khấu hao. Phần mềm quản lý vật tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Đầu tư dài hạn

Các khoản đầu tư dài hạn thể hiện khoản đầu tư vào các công ty khác mà Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc không có ảnh hưởng đáng kể. Các khoản đầu tư dài hạn được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá, bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến giao dịch mua các khoản đầu tư dài hạn. Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư dài hạn được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư dài hạn.

Các khoản trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm các khoản phí bảo hiểm cho khoản vay dài hạn từ nước ngoài, chi phí bảo trì, bảo dưỡng và lãi vay thanh toán cho hợp đồng bảo trì bảo dưỡng máy móc thiết bị Nhà máy Điện Tuabin khí Chu trình hỗn hợp Nhơn Trạch 2, chênh lệch tỷ giá hối đoái lũy kế phát sinh trong thời gian xây dựng Nhà máy Điện Tuabin khí Chu trình hỗn hợp Nhơn Trạch 2 và các khoản chi phí trả trước dài hạn khác.

Các khoản phí bảo hiểm và chi phí bảo trì, bảo dưỡng được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian của hợp đồng vay và hợp đồng bảo trì dài hạn đã ký kết.

Chênh lệch tỷ giá hối đoái lũy kế phát sinh trong thời gian xây dựng Nhà máy Điện Tuabin khí Chu trình hỗn hợp Nhơn Trạch 2. Các khoản chênh lệch này được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm với thời gian phân bổ không quá năm năm kể từ ngày Nhà máy chính thức vận hành thương mại.

30-002
 HANH
 3 TY
 NHUON
 TRACH
 NAM
 HO CH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, và các chi phí khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng hai đến ba năm.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu bán điện được ghi nhận hàng tháng theo sản lượng điện sản xuất phát lên lưới điện quốc gia có sự xác nhận hàng tháng của Công ty Mua Bán Điện (EPTC) theo giá bán điện chính thức được quy định tại Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 04 ngày 28 tháng 5 năm 2014 của Hợp đồng mua bán điện số 07/2012/HĐ-NMD-NT2 được ký vào ngày 06 tháng 7 năm 2012. Doanh thu bán điện này được thông báo trước cho Công ty Mua Bán Điện (EPTC) và các khoản chênh lệch phát sinh sẽ được ghi nhận vào kỳ kế toán hiện hành khi các bên xác định doanh thu chính xác dựa trên tỷ giá giữa Đô la Mỹ và Đồng Việt Nam công bố tại ngày phát hành hóa đơn.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Ngoại tệ

Trong giai đoạn xây dựng cơ bản Nhà máy Điện Tuabin khí Chu trình hỗn hợp Nhơn Trạch 2

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh do chuyển đổi ngoại tệ các tài khoản này, bao gồm chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại, được ghi nhận vào khoản mục “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” trong phần “Vốn chủ sở hữu” trên bảng cân đối kế toán. Khi công trình xây dựng Nhà máy hoàn thành, toàn bộ chênh lệch tỷ giá phát sinh thực tế lũy kế đã được ghi nhận không tính vào nguyên giá của tài sản cố định mà phân bổ vào doanh thu hoạt động tài chính hay chi phí tài chính với thời gian phân bổ không quá năm năm kể từ ngày Nhà máy chính thức vận hành thương mại.

Sau khi Công ty vận hành thương mại Nhà máy Điện Tuabin khí Chu trình hỗn hợp Nhơn Trạch 2

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”, Thông tư 179/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp và Công văn số 3124/DKVN-TCKT ngày 13 tháng 5 năm 2014 của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam áp dụng cho các Công ty trực thuộc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam. Tập đoàn Dầu khí Việt Nam đã nhận được Công văn chấp thuận của Bộ Tài chính số 3371/BTC-TCDN ngày 17 tháng 3 năm 2014 liên quan đến việc sử dụng tỷ giá để đánh giá số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá do Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam (Vietcombank) công bố tại ngày này thay vì tỷ giá mua vào của Ngân hàng thương

WU/CHU/2014/04



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ NHƠN TRẠCH 2

Áp 3, Xã Phước Khánh, Huyện Nhơn Trạch
Tỉnh Đồng Nai, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản công bố tại thời điểm lập báo cáo tài chính. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia lợi nhuận hoặc trả cổ tức cho các cổ đông.

Ban Giám đốc Công ty quyết định dùng tỷ giá mua vào do Vietcombank công bố tại ngày kết thúc niên độ kế toán để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp và thuế thu nhập hoãn lại của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ NHƠN TRẠCH 2

Áp 3, Xã Phước Khánh, Huyện Nhơn Trạch
 Tỉnh Đồng Nai, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

5. TIỀN

	31/12/2014	31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tiền mặt	104.330.554	29.366.883
Tiền gửi ngân hàng	186.022.554.463	57.217.308.004
	<u>186.126.885.017</u>	<u>57.246.674.887</u>

6. ĐẦU TƯ NGẮN HẠN

Đầu tư ngắn hạn thể hiện các khoản tiền gửi có kỳ hạn bằng Đồng Việt Nam tại các ngân hàng và tổ chức tài chính với thời hạn dưới 3 tháng và hưởng mức lãi suất từ 4,6% đến 5%/năm. Các khoản tiền gửi có kỳ hạn này sẽ được gia hạn hàng tháng theo yêu cầu của Công ty.

7. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC VÀ DỰ PHÒNG PHẢI THU NGẮN HẠN KHÓ ĐÒI

	31/12/2014	31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tiền bán điện cho Công ty Mua bán điện (EPTC)	2.085.643.819.056	1.412.705.884.994
Lãi trả chậm dự thu Công ty Mua bán điện (EPTC)	42.153.554.457	42.153.554.457
Phải thu khác từ Tổng Công ty Khí Việt Nam	-	3.105.703.728
Lãi dự thu	869.202.437	647.180.309
Khác	30.000.000	30.000.000
	<u>2.128.696.575.950</u>	<u>1.458.642.323.488</u>
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(33.803.885.782)	(23.941.042.336)
	<u>2.094.892.690.168</u>	<u>1.434.701.281.152</u>

Các khoản phải thu khác chủ yếu là khoản tiền điện tạm tính phải thu Công ty Mua Bán Điện (EPTC) tính đến thời điểm 31 tháng 12 năm 2014 chưa xuất hóa đơn được xác định theo giá bán điện chính thức được quy định tại Hợp đồng mua bán điện số 07/2012/HĐ-NMĐ-NT2 ngày 06 tháng 7 năm 2012 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 04 ngày 28 tháng 5 năm 2014 giữa Công ty Mua Bán Điện (EPTC) và Công ty Cổ phần Điện Lực Dầu Khí Nhơn Trạch 2. Khoản tiền bán điện này bao gồm doanh thu bán điện là 1.896 tỷ đồng và thuế giá trị gia tăng là 189,6 tỷ đồng.

Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi được trích lập theo quy định của Thông tư 228/2009/TT-BTC ban hành bởi Bộ Tài chính vào ngày 07 tháng 12 năm 2009 trên tổng số tiền lãi trả chậm dự thu từ Công ty Mua Bán Điện (EPTC) nhưng đã quá hạn thanh toán tính đến thời điểm 31 tháng 12 năm 2014.

8. HÀNG TỒN KHO

Giá trị hàng tồn kho tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và 31 tháng 12 năm 2013 thể hiện giá trị dầu DO được nhập kho phục vụ cho hoạt động sản xuất điện và các vật tư tiêu hao, vật tư dự phòng phục vụ quá trình vận hành thương mại, bảo dưỡng Nhà máy Điện Tuabin khí Chu trình hỗn hợp Nhơn Trạch 2.

9. PHẢI THU DÀI HẠN KHÁC

Số dư phải thu dài hạn khác thể hiện chi phí đền bù giải phóng mặt bằng sẽ được trừ vào tiền thuê đất phải trả Nhà nước trong tương lai theo quy định của Luật đất đai. Khoản phải thu dài hạn này được phân loại từ nguyên giá tài sản cố định hữu hình sang các khoản phải thu khác theo Quyết định số 35/QĐ-CPNT2 ngày 23 tháng 5 năm 2011 của Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2.

Ngày 20 tháng 10 năm 2014, Công ty đã ký hợp đồng thuê đất số 122/HĐTD với Ủy ban Nhân dân Tỉnh Đồng Nai với tổng diện tích thuê đất là 423.912,8 m². Tuy nhiên, tại ngày của báo cáo này, Công ty chưa nhận được thông báo về việc bù trừ chi phí đền bù giải phóng mặt bằng và tiền thuê đất phải trả Nhà nước.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ NHƠN TRẠCH 2
 CHI NHÁNH CÔNG HỖN HIỆN E L O I
 VIỆT N
 TP. HỒ

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ NHƠN TRẠCH 2

Áp 3, Xã Phước Khánh, Huyện Nhơn Trạch

Tỉnh Đồng Nai, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

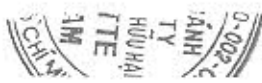
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà xưởng, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2014	2.971.508.045.125	8.287.745.659.419	28.706.600.680	5.683.143.437	11.293.643.448.661
Tăng trong năm	68.181.818	-	-	744.048.150	812.229.968
Giảm do thanh lý	(450.000.000)	-	-	-	(450.000.000)
Tại ngày 31/12/2014	2.971.126.226.943	8.287.745.659.419	28.706.600.680	6.427.191.587	11.294.005.678.629
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2014	329.081.004.011	1.837.323.529.456	11.578.412.624	1.567.381.061	2.179.550.327.152
Khấu hao trong năm	149.200.074.948	685.213.500.646	3.222.587.307	1.030.568.242	838.666.731.143
Tại ngày 31/12/2014	478.281.078.959	2.522.537.030.102	14.800.999.931	2.597.949.303	3.018.217.058.295
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 31/12/2014	2.492.845.147.984	5.765.208.629.317	13.905.600.749	3.829.242.284	8.275.788.620.334
Tại ngày 31/12/2013	2.642.427.041.114	6.450.422.129.963	17.128.188.056	4.115.762.376	9.114.093.121.509

Công ty đã thay đổi thời gian khấu hao tài sản cố định là máy móc thiết bị hình thành từ việc đầu tư xây dựng Nhà máy Điện Tuabin khí Chu trình hỗn hợp Nhơn Trạch 2 theo Quyết định số 27/QĐ-CPNT2 ngày 05 tháng 9 năm 2014 của Hội đồng Quản trị Công ty, từ 10 năm thành 14 năm áp dụng từ ngày 01 tháng 7 năm 2014. Nếu Công ty tiếp tục áp dụng thời gian khấu hao như trước đây, chi phí khấu hao của Nhà máy Điện Tuabin khí Chu trình hỗn hợp Nhơn Trạch 2 trong năm 2014 sẽ tăng lên với số tiền là 145.821.076.519 đồng và lợi nhuận trước thuế của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 sẽ giảm cùng số tiền tương ứng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, nguyên giá của tài sản cố định bao gồm các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 4.467.252.377 đồng (31 tháng 12 năm 2013: 1.260.806.151 đồng).



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ NHƠN TRẠCH 2

Áp 3, Xã Phước Khánh, Huyện Nhơn Trạch
 Tỉnh Đồng Nai, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2014	21.602.554.546	-	21.602.554.546
Tăng trong năm	-	8.595.706.375	8.595.706.375
Tại ngày 31/12/2014	21.602.554.546	8.595.706.375	30.198.260.921
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2014	-	-	-
Khấu hao trong năm	-	54.899.585	54.899.585
Tại ngày 31/12/2014	-	54.899.585	54.899.585
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 31/12/2014	21.602.554.546	8.540.806.790	30.143.361.336
Tại ngày 31/12/2013	21.602.554.546	-	21.602.554.546

Giá trị quyền sử dụng đất lâu dài là quyền sử dụng đất tại khu đất thuộc Chung cư CCI.2 - Đơn vị ở số 1 - Khu dân cư Phước An - Long Thọ, Huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai. Giá trị phần mềm là giá trị của hệ thống quản lý bảo trì, quản lý vật tư thiết bị tài sản nhà máy.

Giá trị tài sản cố định vô hình đối với quyền sử dụng đất được ghi nhận theo Quyết định số 21/QĐ - CPNT2 vào ngày 15 tháng 5 năm 2013 của Đại Hội đồng Cổ đông Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 về việc phê duyệt giá trị quyết toán tài sản cố định hình thành từ vốn đầu tư của dự án Nhà máy Điện Tuabin khí Chu trình hỗn hợp Nhơn Trạch 2.

12. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Phần mềm kế toán SAP Business One	304.606.500	304.606.500
Phần mềm quản lý vật tư	-	1.427.782.750
Tại ngày 31 tháng 12	304.606.500	1.732.389.250

Số dư chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện chi phí mua sắm các tài sản cố định phải trải qua quá trình lắp đặt, chạy thử trước khi đưa vào sử dụng trong năm bao gồm hệ thống quản lý bảo trì, quản lý vật tư thiết bị tài sản nhà máy và phần mềm kế toán Sap Business One.

13. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

Công ty đã góp 11.140.000.000 đồng, tương đương với 1.114.000 cổ phần (mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần), vào vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Đầu tư Bê tông Công nghệ cao ("Sopewaco") tính đến 31 tháng 12 năm 2014 và ngày 31 tháng 12 năm 2013.

Khoản dự phòng giám giá đầu tư tài chính dài hạn được trích lập theo quy định của Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 ban hành bởi Bộ Tài Chính. Cơ sở trích lập dự phòng là báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Sopewaco. Khoản lỗ lũy kế của Sopewaco tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 237.801.167.624 đồng và cao hơn vốn điều lệ của Sopewaco là 80.000.000.000 đồng. Do đó, Ban Giám đốc Công ty quyết định trích lập dự phòng toàn bộ cho khoản đầu tư tài chính dài hạn nêu trên tại ngày kết thúc năm tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ NHƠN TRẠCH 2

Áp 3, Xã Phước Khánh, Huyện Nhơn Trạch
 Tỉnh Đồng Nai, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***14. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

	2014	2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tại ngày 01 tháng 01	1.026.660.982.500	1.248.482.245.061
Tăng	104.197.706.255	1.872.367.535
Phân bổ vào chi phí trong năm	(243.505.946.621)	(223.693.630.096)
Giảm khác (*)	(10.292.980.257)	-
Tại ngày 31 tháng 12	<u>877.059.761.877</u>	<u>1.026.660.982.500</u>

(*) Giảm khác là khoản giảm trừ chi phí nhân công sửa chữa định kỳ đã tạm trích hàng quý vào chi phí phục vụ trung tu mở rộng Nhà máy Điện Tuabin khí Chu trình hỗn hợp Nhơn Trạch 2.

Chi tiết số dư của khoản chi phí trả trước dài hạn tại ngày kết thúc năm tài chính:

	31/12/2014	31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Phí bảo hiểm khoản vay tín dụng	441.548.675.121	502.948.512.913
Phí huy động, phí biến đổi và phí cố định hợp đồng bảo trì thiết bị	276.363.551.871	307.295.161.358
Chi phí trung tu nhà máy điện cần phân bổ	72.899.890.233	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái lũy kế	66.380.869.389	192.805.589.326
Lãi vay thanh toán cho hợp đồng bảo trì bảo dưỡng máy móc	11.700.012.206	13.009.375.462
Chi phí khác	8.166.763.057	10.602.343.441
	<u>877.059.761.877</u>	<u>1.026.660.982.500</u>

Chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm các chi phí:

Phí bảo hiểm khoản vay tín dụng: Theo hợp đồng vay tín dụng xuất khẩu ký ngày 22 tháng 7 năm 2010 và 23 tháng 7 năm 2010 giữa Công ty và các ngân hàng tài trợ do Citibank làm đại lý. Phí bảo hiểm khoản vay được phát hành bởi HERMES và NEXI bảo hiểm cho các bên cho vay trong toàn bộ thời hạn vay theo hợp đồng là 2,5 năm ân hạn và 9,5 năm trả nợ.

Phí huy động, phí biến đổi và phí cố định hợp đồng bảo trì thiết bị: Theo hợp đồng bảo trì thiết bị dài hạn số 68/2011/PVPOWER NT2 – PVPS giữa Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 và Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam cho công tác bảo trì máy móc thiết bị chính cho Nhà máy Điện Tuabin khí Chu trình hỗn hợp Nhơn Trạch 2 trong thời hạn 11,7 năm hoặc 200.000 giờ EOH. Phí huy động, phí biến đổi và phí cố định được thanh toán trước khi Nhà máy Điện Tuabin khí Chu trình hỗn hợp Nhơn Trạch 2 vận hành thương mại và được phân bổ vào kết quả kinh doanh trong năm theo số giờ EOH thực tế phát sinh.

Chi phí trung tu Nhà máy Điện Tuabin khí Chu trình hỗn hợp Nhơn Trạch 2 phát sinh khi nhà máy đạt đến 25.000 giờ vận hành EOH và Công ty phải thực hiện việc trung tu theo yêu cầu kỹ thuật. Theo đó, chi phí trung tu này được ghi nhận và phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ phát sinh 25.000 giờ vận hành EOH tiếp theo. Ngày 15 tháng 12 năm 2014, Hội đồng Quản trị Công ty đã ra Quyết định số 46/QĐ-CPNT2 về việc tạm phê duyệt quyết toán hoàn thành công tác trung tu mở rộng, theo đó giá trị trung tu sẽ được phân bổ dựa vào số giờ thực tế chạy EOH từ khi kết thúc quá trình trung tu của nhà máy.

Chênh lệch tỷ giá hối đoái lũy kế phát sinh trong thời gian xây dựng Nhà máy Điện Tuabin khí Chu trình hỗn hợp Nhơn Trạch 2 đến thời điểm cấp chứng chỉ PAC vào ngày 16 tháng 10 năm 2011 và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong thời gian không quá năm năm kể từ ngày Công ty được cấp chứng chỉ PAC theo như Công văn số 721/CT-TTH ban hành ngày 01 tháng 3 năm 2012 bởi Cục Thuế tỉnh Đồng Nai.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ NHƠN TRẠCH 2

Ấp 3, Xã Phước Khánh, Huyện Nhơn Trạch
 Tỉnh Đồng Nai, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Lãi vay thanh toán cho hợp đồng bảo trì bảo dưỡng máy móc: Các chi phí đi vay liên quan đến công tác thanh toán hợp đồng bảo trì thiết bị dài hạn số 68/2011/PVPOWER NT2 – PVPS giữa Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 và Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam. Chi phí đi vay phát sinh trước khi Nhà máy Điện Tuabin khí Chu trình hỗn hợp Nhơn Trạch 2 vận hành thương mại và không thuộc chi phí đầu tư dự án. Các khoản lãi vay này được phân bổ vào báo kết quả kinh doanh trong năm theo số giờ EOH thực tế phát sinh.

15. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

Số dư vay ngắn hạn thể hiện nợ dài hạn đến hạn trả cho các khoản vay dài hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và ngày 31 tháng 12 năm 2013 như trình bày theo Thuyết minh số 19.

16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	11.706.876.862	11.828.286.035
Thuế thu nhập cá nhân	251.871.129	198.907.401
Thuế tài nguyên	3.554.243.006	1.088.342.147
Khác	556.861	64.927.412
	<u><u>15.513.547.858</u></u>	<u><u>13.180.462.995</u></u>

17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu	776.373.697.796	600.398.949.132
Chi phí bảo trì	89.648.927.883	93.285.331.997
Lãi vay tạm trích	13.214.003.762	16.402.014.332
Khác	12.137.020.162	7.044.597.333
	<u><u>891.373.649.603</u></u>	<u><u>717.130.892.794</u></u>

Chi phí nguyên liệu là khoản công nợ phải trả cho nguyên liệu khí dùng trong quá trình vận hành Nhà máy Điện Tuabin khí Chu trình hỗn hợp Nhơn Trạch 2 nhưng chưa nhận được hóa đơn từ nhà cung cấp tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và ngày 31 tháng 12 năm 2013.

18. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢ NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Lãi chậm thanh toán phải trả		
Tổng Công ty Khí Việt Nam	39.278.284.374	39.278.284.374
Thuế GTGT đầu ra tạm tính	189.603.983.551	128.427.807.727
Chi trả cổ tức	128.000.000.000	-
Khác	1.958.773.149	1.440.336.083
	<u><u>358.841.041.074</u></u>	<u><u>169.146.428.184</u></u>

Thuế giá trị gia tăng đầu ra tạm trích căn cứ vào khoản doanh thu bán điện chưa xuất hóa đơn như đã nêu ở Thuyết minh số 7.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ NHƠN TRẠCH 2

Áp 3, Xã Phước Khánh, Huyện Nhơn Trạch
 Tỉnh Đồng Nai, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***19. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN**

	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Vay dài hạn	6.907.609.469.332	8.449.314.135.904
Trừ: Vay dài hạn đến hạn trả	<u>(1.051.902.984.892)</u>	<u>(1.137.995.154.732)</u>
	<u>5.855.706.484.440</u>	<u>7.311.318.981.172</u>

Ngày 22 tháng 7 năm 2010 và ngày 23 tháng 7 năm 2010 Công ty đã ký các hợp đồng vay với các ngân hàng tài trợ là HERMES, CIRR, NEXI và Citibank, với Citibank là ngân hàng đầu mối với tổng hạn mức vay là 215.380.981 đô la Mỹ và 202.585.883 euro. Các khoản vay này được chính phủ Việt Nam bảo lãnh và được cấp bảo hiểm bởi HERMES và NEXI. Lãi suất được tính theo Euribor 6 tháng và Libor 6 tháng cộng cho các khoản lãi suất điều chỉnh. Nợ gốc và lãi vay được trả 6 tháng một lần trong đó thời gian trả nợ gốc là 9,5 năm được chia thành 19 kỳ trả nợ đều nhau với thời điểm trả nợ gốc đầu tiên là ngày 01 tháng 6 năm 2012. Tổng số dư nợ gốc của khoản vay này tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 lần lượt là 146.099.081 đô la Mỹ và 133.480.136 euro.

Trong năm 2013, Công ty ký hợp đồng vay dài hạn với Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (VP Bank), Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh với hạn mức 286.467.044.714 đồng cho mục đích tái tài trợ khoản vay đầu tư dự án xây dựng Nhà máy Điện Tuabin khí Chu trình hỗn hợp Nhơn Trạch 2. Hợp đồng vay này tái tài trợ thay thế hợp đồng hạn mức 600 tỷ đồng số 02/2011/HĐTD-THD được ký ngày 31 tháng 3 năm 2011 với Ngân hàng TMCP Công Thương, Chi nhánh Hà Nội. Thời hạn vay được tính từ ngày giải ngân đầu tiên đến ngày 25 tháng 12 năm 2022 và nợ gốc của khoản vay sẽ được thanh toán định kỳ 6 tháng một lần, trong vòng 20 kỳ. Khoản vay này không có đảm bảo bằng tài sản và chịu lãi suất thả nổi. Số dư nợ gốc của khoản vay này tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 229.173.635.770 đồng.

Trong năm 2014, Công ty ký hợp đồng vay dài hạn với Ngân hàng TMCP Phát triển nhà Thành phố Hồ Chí Minh (HDBank), Chi nhánh Cộng Hòa cho mục đích tái tài trợ khoản vay đầu tư dự án xây dựng Nhà máy Điện Tuabin khí Chu trình hỗn hợp Nhơn Trạch 2 với tổng hạn mức tín dụng là 163.619.754.337 đồng. Hợp đồng vay này tái tài trợ thay thế hợp đồng hạn mức 200 tỷ đồng số 01/2011/HĐTD-THD được ký ngày 20 tháng 01 năm 2011 với Ngân hàng TMCP Công Thương Chi nhánh Hà Nội. Thời hạn vay được tính từ ngày giải ngân đầu tiên đến ngày 25 tháng 12 năm 2022. Nợ gốc của khoản vay sẽ được thanh toán định kỳ 6 tháng một lần, trong vòng 18 kỳ. Khoản vay này không có đảm bảo bằng tài sản và chịu lãi suất thả nổi. Số dư nợ gốc của khoản vay này tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 145.439.781.633 đồng.

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Trong vòng một năm	1.051.902.984.892	1.137.995.154.732
Trong năm thứ hai	1.051.902.984.892	1.114.012.067.652
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	3.155.708.830.905	3.342.036.357.651
Sau năm năm	<u>1.648.094.668.643</u>	<u>2.855.270.555.869</u>
	<u>6.907.609.469.332</u>	<u>8.449.314.135.904</u>
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần nợ ngắn hạn)	<u>(1.051.902.984.892)</u>	<u>(1.137.995.154.732)</u>
Số phải trả sau 12 tháng	<u>5.855.706.484.440</u>	<u>7.311.318.981.172</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ NHƠN TRẠCH 2

Áp 3, Xã Phước Khánh, Huyện Nhơn Trạch
Tỉnh Đồng Nai, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU**Tại ngày 31/12/2014 và ngày 31/12/2013**

	<u>Số cổ phần</u>	<u>VND</u>
Cổ phần được phép phát hành	256.000.000	2.560.000.000.000
Cổ phần đã phát hành và góp vốn đủ	256.000.000	2.560.000.000.000

Công ty chỉ phát hành một loại cổ phần phổ thông không được hưởng lợi tức cố định với mệnh giá là 10.000 đồng một cổ phần. Cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỉ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phần sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Tất cả các cổ phần đều có quyền thừa hưởng như nhau đối với tài sản thuần của Công ty.

Trong năm 2014, danh sách cổ đông được Ủy ban Chứng khoán chốt gần nhất là ngày 22 tháng 12 năm 2014. Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, chi tiết các cổ đông tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	<u>Vốn đã góp</u>			
	<u>31/12/2014</u>		<u>31/12/2013</u>	
	<u>VND</u>	<u>%</u>	<u>%</u>	<u>%</u>
Tổng Công ty Điện lực Dầu Khí Việt Nam	1.607.661.500.000	62,8%	1.607.661.500.000	62,8%
Công ty TNHH Phát Triển Công Nghệ	213.840.000.000	8,4%	113.840.000.000	4,4%
Tập đoàn Bưu Chính Viễn Thông Việt Nam	128.000.000.000	5,0%	128.000.000.000	5,0%
Tổng Công ty Điện lực - Vinacomin	128.000.000.000	5,0%	128.000.000.000	5,0%
Công ty ElectricPower Development (J-Power - Nhật Bản)	128.000.000.000	5,0%	128.000.000.000	5,0%
Các cổ đông khác	354.498.500.000	13,8%	454.498.500.000	17,8%
	2.560.000.000.000	100%	2.560.000.000.000	100%



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ NHƠN TRẠCH 2

Áp 3, Xã Phước Khánh, Huyện Nhơn Trạch
Tỉnh Đồng Nai, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu trong năm như sau:

	Vốn cổ phần VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 01/01/2013	2.560.000.000.000	163.455.502.290	20.055.769.998	38.939.141.215	2.782.450.413.503
Phân phối từ lợi nhuận	-	5.781.878.846	384.111.907	(9.159.964.444)	(2.993.973.691)
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	8.219.216.904	8.219.216.904
Số dư tại ngày 31/12/2013	2.560.000.000.000	169.237.381.136	20.439.881.905	37.998.393.675	2.787.675.656.716
Phân phối từ lợi nhuận	-	-	410.960.845	(4.366.093.349)	(3.955.132.504)
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	1.590.963.236.600	1.590.963.236.600
Chi trả cổ tức	-	-	-	(128.000.000.000)	(128.000.000.000)
Số dư tại ngày 31/12/2014	2.560.000.000.000	169.237.381.136	20.850.842.750	1.496.595.536.926	4.246.683.760.812

Trong năm, Công ty đã trích lập Quỹ đầu tư phát triển với số tiền là 401.960.845 đồng (năm 2013: 384.111.907 đồng), Quỹ khen thưởng, phúc lợi với số tiền là 3.955.132.504 đồng (năm 2013: 2.993.973.691 đồng) và không trích nguồn vốn khác của chủ sở hữu (năm 2013: 5.781.878.846 đồng) theo Nghị quyết số 04/NQ-CPNT2 của Đại Hội đồng Cổ đông thường niên năm 2014 ngày 18 tháng 4 năm 2014.

Theo Nghị quyết số 15/NQ-CPNT2 ngày 05 tháng 12 năm 2014 của Hội đồng Quản trị về việc tạm ứng cổ tức năm 2014, theo đó tỷ lệ tạm ứng cổ tức bằng 5% mệnh giá, tương đương 500 đồng/01 cổ phần được trích từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và được thanh toán vào ngày 12 tháng 01 năm 2015. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, khoản cổ tức trên chưa đến kỳ thanh toán và đang được ghi nhận trên tài khoản phải trả khác.



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ NHƠN TRẠCH 2

Áp 3, Xã Phước Khánh, Huyện Nhơn Trạch
 Tỉnh Đồng Nai, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

21. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là sản xuất và bán điện trong nội địa. Hoạt động sản xuất kinh doanh khác của Công ty chiếm tỷ trọng rất nhỏ trong tổng doanh thu và kết quả hoạt động của Công ty trong kỳ cũng như các niên độ kế toán trước. Theo đó, thông tin tài chính trình bày trên bảng cân đối kế toán cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 và ngày 31 tháng 12 năm 2014 cũng như toàn bộ doanh thu, chi phí trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày và các niên độ kế toán trước đều liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh chính. Do đó, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

22. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG

Doanh thu thuần phát sinh trong kỳ do bán điện bao gồm doanh thu bán điện trong giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 11 năm 2014 và giai đoạn từ ngày 01 tháng 12 năm 2014 đến ngày 31 tháng 12 năm 2014 theo giá bán điện chính thức đã được quy định trong Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 04 ngày 28 tháng 5 năm 2014 cho Hợp đồng mua bán điện số 07/2012/HĐ-NMĐ-NT2 ngày 06 tháng 7 năm 2012 giữa Công ty Mua Bán Điện (EPTC) và Công ty cổ phần Điện Lực Dầu Khí Nhơn Trạch 2.

Sau khi xác định chính xác các thông số bao gồm tỷ giá tại ngày xuất hoá đơn, tỷ lệ alpha để tính lượng khí nhận từ mỏ Hải Thạch-Mộc Tinh, doanh thu chính thức cho giai đoạn phát điện từ ngày 01 tháng 12 năm 2014 đến ngày 31 tháng 12 năm 2014 sẽ được xác định đầy đủ. Vì vậy phần chênh lệch doanh thu bán điện giai đoạn từ ngày 01 tháng 12 năm 2014 đến ngày 31 tháng 12 năm 2014 sẽ được điều chỉnh chính xác và ghi nhận sau khi các thông số cấu thành nên giá điện được công bố.

23. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	2014 VND	2013 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	4.041.185.155.330	3.596.410.524.600
Chi phí nhân công	70.075.846.230	57.422.599.160
Chi phí khấu hao tài sản cố định	838.694.238.760	982.366.934.534
Chi phí dịch vụ mua ngoài	486.729.522.831	480.035.945.388
Chi phí khác bằng tiền	51.503.579.426	24.063.115.996
	<u>5.488.188.342.577</u>	<u>5.140.299.119.678</u>

24. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	2014 VND	2013 VND
Lãi tiền gửi	25.366.508.056	52.961.657.839
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	21.415.773.068	8.027.036
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	403.709.545.794	-
	<u>450.491.826.918</u>	<u>52.969.684.875</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ NHƠN TRẠCH 2

Áp 3, Xã Phước Khánh, Huyện Nhơn Trạch
Tỉnh Đồng Nai, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MÁU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***25. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	2014 VND	2013 VND
Lãi tiền vay	219.382.885.672	266.407.208.913
Phân bổ lỗ chênh lệch tỷ giá trong quá trình xây dựng cơ bản	126.424.719.937	126.424.719.937
Phí bảo hiểm khoản vay	61.399.837.792	62.406.392.505
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	280.693.405.522
Phí bảo lãnh chính phủ cho khoản vay	19.818.165.842	22.765.155.566
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	7.038.932.028	23.163.264.621
Khác	3.128.045.962	4.719.135.537
	437.192.587.233	786.579.282.601

26. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	2014			2013
	Hoạt động chính VND	Hoạt động khác VND	Tổng VND	Tổng VND
Lợi nhuận trước thuế	1.716.452.513.228	(125.489.276.628)	1.590.963.236.600	8.219.216.904
Cộng: Các chi phí không được khấu trừ	10.031.019.327	-	10.031.019.327	156.000.000
Trừ: Các khoản thu nhập không chịu thuế	(38.810)	-	(38.810)	(156.120)
Thu nhập chịu thuế	1.726.483.493.745	(125.489.276.628)	1.600.994.217.117	8.375.060.784
Khấu trừ lỗ từ hoạt động khác	(125.489.276.628)	125.489.276.628	-	-
Thu nhập chịu thuế	1.600.994.217.117	-	1.600.994.217.117	8.375.060.784
Thuế suất	0%	22%	0%	0%
Chi phí thuế hiện hành	-	-	-	-

Công ty có nghĩa vụ phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 10% tính trên thu nhập chịu thuế từ hoạt động sản xuất và kinh doanh điện năng (hoạt động chính) trong 15 năm kể từ năm đầu tiên có doanh thu và 22% cho những năm tiếp theo.

Công ty được miễn thuế 4 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế đối với hoạt động sản xuất và kinh doanh điện năng và giảm 50% số thuế phải nộp cho 9 năm tiếp theo. Đây là năm thứ tư Công ty có thu nhập chịu thuế từ hoạt động sản xuất và kinh doanh điện năng và là năm thứ tư được miễn thuế (năm đầu tiên là năm 2011).

Công ty có nghĩa vụ phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 22% tính trên thu nhập từ các hoạt động khác theo Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành.

Công ty không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả vì không có chênh lệch tạm thời đáng kể giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục này.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ NHƠN TRẠCH 2

Áp 3, Xã Phước Khánh, Huyện Nhơn Trạch
 Tỉnh Đồng Nai, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

27. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

	2014	2013
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế	1.590.963.236.600	8.219.216.904
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	403.709.545.794	-
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.187.253.690.806	8.219.216.904
Số bình quân gia quyền của cổ phần phổ thông	256.000.000	256.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	4.638	32

28. CAM KẾT BÁN HÀNG

Công ty đã ký kết với Công ty Mua Bán Điện (EPTC) bằng Hợp đồng mua bán điện số 07/2012/HĐ-NMĐ-NT2 ngày 06 tháng 7 năm 2012. Theo đó, toàn bộ sản lượng điện sản xuất theo lệnh điều động của Cục Điều tiết Điện lực sẽ được bao tiêu bởi Công ty Mua Bán Điện (EPTC) trong thời hạn là 10 năm kể từ ngày Nhà máy Điện Tuabin khí Chu trình hỗn hợp Nhơn Trạch 2 chính thức vận hành thương mại vào ngày 16 tháng 10 năm 2011.

29. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 15 và 19 trừ đi tiền), phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Công ty (bao gồm vốn góp, vốn khác của chủ sở hữu, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	2014	2013
	VND	VND
Các khoản vay	6.907.609.469.332	8.449.314.135.904
Trừ: Tiền	(186.126.885.017)	(57.246.674.887)
Nợ thuần	6.721.482.584.315	8.392.067.461.017
Vốn chủ sở hữu	4.246.683.760.812	2.787.675.656.716
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	1,58	3,01

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 4.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ NHƠN TRẠCH 2

Áp 3, Xã Phước Khánh, Huyện Nhơn Trạch
 Tỉnh Đồng Nai, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2014	31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tài sản tài chính		
Tiền	186.126.885.017	57.246.674.887
Đầu tư ngắn hạn	540.000.000.000	246.461.181.788
Phải thu khách hàng và phải thu khác	2.094.928.602.970	1.434.736.933.554
Ký quỹ ngắn hạn	10.000.000	10.000.000
Phải thu dài hạn khác	38.782.753.000	38.782.753.000
Tổng	<u>2.859.848.240.987</u>	<u>1.777.237.543.229</u>
Công nợ tài chính		
Vay ngắn hạn	1.051.902.984.892	1.137.995.154.732
Phải trả người bán và phải trả khác	392.525.445.346	196.183.836.907
Chi phí phải trả	891.373.649.603	717.130.892.794
Vay dài hạn	5.855.706.484.440	7.311.318.981.172
Tổng	<u>8.191.508.564.281</u>	<u>9.362.628.865.605</u>

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá và rủi ro lãi suất), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ phải trả có gốc bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	Tài sản		Công nợ	
	31/12/2014	31/12/2013	31/12/2014	31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
USD	6.424.690	9.020.373	3.123.598.358.408	3.554.422.072.408
EUR	428.345	1.148.368	3.409.397.693.521	4.473.451.968.917



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ NHƠN TRẠCH 2

Áp 3, Xã Phước Khánh, Huyện Nhơn Trạch
Tỉnh Đồng Nai, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ

Công ty chủ yếu chịu ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá của Đô la Mỹ và Euro.

Bảng sau đây thể hiện phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ của Công ty trong trường hợp tỷ giá Đồng Việt Nam tăng/giảm 3% so với các đồng tiền trên. Tỷ lệ thay đổi 3% được Ban Giám đốc sử dụng khi phân tích rủi ro tỷ giá và thể hiện đánh giá của Ban Giám đốc về mức thay đổi có thể có của tỷ giá. Phân tích độ nhạy với ngoại tệ chỉ áp dụng cho các số dư của các khoản mục tiền tệ bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ và điều chỉnh việc đánh giá lại các khoản mục này khi có 3% thay đổi của tỷ giá. Nếu tỷ giá các đồng ngoại tệ dưới đây so với Đồng Việt Nam tăng/giảm 3% thì lợi nhuận trước thuế trong năm của Công ty sẽ giảm/tăng các khoản tương ứng như sau:

	2014	2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
USD	93.707.758.012	106.632.391.561
EUR	102.281.917.955	134.203.524.616
	<u><u>195.989.675.967</u></u>	<u><u>240.835.916.177</u></u>

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Độ nhạy của lãi suất

Độ nhạy của các khoản vay đối với sự thay đổi lãi suất có thể xảy ra ở mức độ hợp lý trong lãi suất được thể hiện trong bảng sau đây. Với giả định là các biến số khác không thay đổi và giả định số dư tiền vay cuối kỳ là số dư tiền vay trong suốt kỳ hoạt động, nếu lãi suất của các khoản vay với lãi suất thả nổi tăng/giảm 200 điểm cơ bản thì lợi nhuận trước thuế của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 sẽ giảm/tăng 130.659.921.039 đồng (năm 2013: 160.557.480.827 đồng).

Quản lý rủi ro về giá khí gas nguyên liệu

Công ty mua khí gas nguyên liệu từ nhà cung cấp trong nước để sản xuất điện. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của khí gas nguyên liệu.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Công ty có khoản rủi ro tín dụng tập trung khá lớn từ khoản phải thu do bán điện cho Tập đoàn Điện lực Việt nam phát sinh trong năm 2014. Rủi ro tín dụng tối đa được thể hiện là giá trị ghi sổ của số dư phải thu các bên liên quan như trình bày tại Thuyết minh số 30.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tình thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được

NHÁNH
 IG TY
 IEM HUU
 OITTI
 NAM
 HO C

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ NHƠN TRẠCH 2

Ấp 3, Xã Phước Khánh, Huyện Nhơn Trạch
Tỉnh Đồng Nai, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

Tại ngày 31/12/2014	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng VND
Tiền	186.126.885.017	-	-	186.126.885.017
Đầu tư ngắn hạn	540.000.000.000	-	-	540.000.000.000
Phải thu khách hàng và phải thu khác	2.094.928.602.970	-	-	2.094.928.602.970
Ký quỹ ngắn hạn	10.000.000	-	-	10.000.000
Phải thu dài hạn khác	-	-	38.782.753.000	38.782.753.000
Tổng	2.821.065.487.987	-	38.782.753.000	2.859.848.240.987
Tại ngày 31/12/2014	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng VND
Vay ngắn hạn	1.051.902.984.892	-	-	1.051.902.984.892
Phải trả người bán và phải trả khác	392.525.445.346	-	-	392.525.445.346
Chi phí phải trả	891.373.649.603	-	-	891.373.649.603
Vay dài hạn	-	4.207.611.815.797	1.648.094.668.643	5.855.706.484.440
Tổng	2.335.802.079.841	4.207.611.815.797	1.648.094.668.643	8.191.508.564.281
Chênh lệch thanh khoản thuần	485.263.408.146	(4.207.611.815.797)	(1.609.311.915.643)	(5.331.660.323.294)
Tại ngày 31/12/2013	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng VND
Tiền	57.246.674.887	-	-	57.246.674.887
Đầu tư ngắn hạn	246.461.181.788	-	-	246.461.181.788
Phải thu khách hàng và phải thu khác	1.434.736.933.554	-	-	1.434.736.933.554
Ký quỹ ngắn hạn	10.000.000	-	-	10.000.000
Phải thu dài hạn khác	-	-	38.782.753.000	38.782.753.000
Tổng	1.738.454.790.229	-	38.782.753.000	1.777.237.543.229
Tại ngày 31/12/2013	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng VND
Vay ngắn hạn	1.137.995.154.732	-	-	1.137.995.154.732
Phải trả người bán và phải trả khác	196.183.836.907	-	-	196.183.836.907
Chi phí phải trả	717.130.892.794	-	-	717.130.892.794
Vay dài hạn	-	4.456.048.425.303	2.855.270.555.869	7.311.318.981.172
Tổng	2.051.309.884.433	4.456.048.425.303	2.855.270.555.869	9.362.628.865.605
Chênh lệch thanh khoản thuần	(312.855.094.204)	(4.456.048.425.303)	(2.816.487.802.869)	(7.585.391.322.376)

Ban Giám đốc đánh giá mức rủi ro thanh khoản ở mức cao. Tuy nhiên, Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ NHƠN TRẠCH 2

Áp 3, Xã Phước Khánh, Huyện Nhơn Trạch
Tỉnh Đồng Nai, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***30. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN****Danh sách các bên liên quan:****Bên liên quan****Mối quan hệ**

Tổng công ty Điện lực Dầu Khí Việt Nam	Cổ đông
Tập đoàn Điện Lực Việt Nam	Cổ đông
Công ty Mua Bán Điện (EPTC)	Công ty thuộc EVN
Tổng Công ty khí Việt Nam	Công ty thuộc PVN
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí VN	Công ty thuộc PVN
Ban điều hành các dự án của PVC tại phía Nam	Công ty thuộc PVN
TCT Bảo hiểm PVI	Công ty thuộc PVN
Công ty Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch	Công ty thuộc PVN
Công ty Cổ phần Phân bón & Hóa chất Đông Nam Bộ	Công ty thuộc PVN
Công ty Cổ phần Dầu nhờn PVOIL	Công ty thuộc PVN
Chi nhánh Viện Dầu Khí Việt Nam – Trung tâm	
Nghiên cứu & Phát triển an toàn & Môi trường Dầu khí	Công ty thuộc PVN
Công ty Cổ phần tư vấn Quản lý dự án Điện lực Dầu khí	Công ty thuộc PVN
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	Công ty thuộc PVN
Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam	Công ty thuộc PVN
TCT Công nghệ Năng lượng Dầu khí	Công ty thuộc PVN
Công ty Cổ phần Địa ốc Dầu khí	Công ty thuộc PVN
Tổng Công ty Dung dịch khoan và Hóa phẩm Dầu khí	Công ty thuộc PVN

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch sau với các bên liên quan:

	2014	2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Doanh thu bán điện		
Công ty Mua Bán Điện (EPTC)	<u>7.064.916.896.183</u>	<u>5.880.997.656.440</u>
Mua hàng và dịch vụ		
Tổng Công ty Khí Việt Nam	3.844.571.504.991	3.651.959.348.016
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí VN	441.509.606.376	370.858.285.230
Ban điều hành các dự án của PVC tại phía Nam	-	6.103.617.879
TCT Bảo hiểm PVI	42.762.861.400	47.997.772.472
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	5.499.697.000	9.722.679.400
Tổng Công ty Dung dịch khoan và Hóa phẩm Dầu khí	1.941.570.000	-
Công ty Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch	1.022.648.200	3.470.338.296
Công ty Cổ phần Phân bón & Hóa chất Đông Nam Bộ	-	1.984.140.000
Công ty Cổ phần Dầu nhờn PVOIL	1.424.624.960	641.755.692
Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam	666.344.399	625.187.911
Công ty Cổ phần tư vấn Quản lý dự án Điện lực Dầu khí	-	73.854.047
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	82.192.008	76.822.381
Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam	821.225.357	910.731.471
TCT Công nghệ Năng lượng Dầu khí	<u>300.000.000</u>	<u>805.588.654</u>
Thu nhập tài chính		
Lãi tiền gửi từ Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam	<u>5.093.266.744</u>	<u>15.060.567.769</u>



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ NHƠN TRẠCH 2

Áp 3, Xã Phước Khánh, Huyện Nhơn Trạch
 Tỉnh Đồng Nai, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Thu nhập của Chủ tịch Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Trưởng Ban Kiểm soát được hưởng trong năm như sau:

2014	2013
<u>VND</u>	<u>VND</u>

Lương và các khoản phúc lợi khác	<u>5.402.483.522</u>	<u>5.378.790.311</u>
----------------------------------	----------------------	----------------------

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

31/12/2014	31/12/2013
<u>VND</u>	<u>VND</u>

Trả trước nhà cung cấp

Tổng Công ty Dung dịch khoan và Hóa phẩm Dầu khí	228.420.000	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí VN	<u>163.728.626.749</u>	<u>12.582.927.176</u>

31/12/2014	31/12/2013
<u>VND</u>	<u>VND</u>

Phải thu khác

Công ty Mua Bán Điện (EPTC)	2.127.797.373.513	1.454.859.439.451
Lãi dự thu từ Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam	<u>238.222.223</u>	<u>253.194.444</u>

Phải trả thương mại

Tổng Công ty khí Việt Nam	-	3.522.534.613
Cổ phần dịch vụ kỹ thuật điện lực Dầu khí Việt Nam	27.386.855.113	15.385.139.390
Ban điều hành các dự án của PVC tại phía Nam	454.403.426	454.403.426
Công ty Cổ phần Địa ốc Dầu khí	1.140.250.000	1.140.250.000
Chi nhánh Viện Dầu Khí Việt Nam – Trung tâm		
Nghiên cứu & Phát triển an toàn & Môi trường Dầu khí	222.181.661	507.412.881
Tổng Công ty Dung dịch khoan và Hóa phẩm Dầu khí	319.788.000	
Công ty Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch	<u>95.778.900</u>	<u>67.368.105</u>

Phải trả khác

Tổng Công ty khí Việt Nam	<u>39.278.284.374</u>	<u>39.278.284.374</u>
---------------------------	-----------------------	-----------------------

Đầu tư tài chính

Tiền gửi có kỳ hạn tại NH TMCP Đại Chúng Việt Nam	<u>200.000.000.000</u>	<u>95.000.000.000</u>
---	------------------------	-----------------------



Lê Văn Tú
 Người lập biểu



Nguyễn Hữu Minh
 Kế toán trưởng



Hoàng Xuân Quốc
 Giám đốc

Ngày 16 tháng 3 năm 2015